

Số: 09/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 385/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe quy định tại Quyết định số 1603-QĐ/TU ngày 08 tháng 3 năm 2025 của Tỉnh ủy Đồng Tháp (sau đây gọi là Quyết định số 1603-QĐ/TU).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Trường hợp bị Tòa án kết tội hoặc bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc thì không được hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Trường hợp cán bộ kinh qua nhiều chức vụ, nhiệm kỳ, khi bị kỷ luật

bằng hình thức cách chức ở chức vụ, nhiệm kỳ nào thì không xem xét, hỗ trợ đối với chức vụ, nhiệm kỳ đó.

3. Trường hợp một cán bộ thuộc nhiều đối tượng được hỗ trợ thì chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ ở mức cao nhất mà cán bộ đó được hưởng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh

1. Đối tượng 1, 2, 3, 4, 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU) khi khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh gồm:

a) 100% chi phí cùng chi trả của người tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

b) Chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi được hưởng của bảo hiểm y tế theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quản lý.

c) Chi phí mua thuốc bên ngoài theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh trong trường hợp nguồn thuốc của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh không đảm bảo để cấp phát cho người bệnh (đơn thuốc mua ngoài phải có ý kiến của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh), theo tỷ lệ % (phần trăm) trên tổng số tiền mua thuốc theo hóa đơn, chứng từ mua thuốc thực tế theo quy định (sau đây gọi tổng chi phí mua thuốc), cụ thể:

Đối tượng 1 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 100% (một trăm phần trăm) tổng chi phí mua thuốc.

Đối tượng 2 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 90% (chín mươi phần trăm) tổng chi phí mua thuốc.

Đối tượng 3 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 80% (tám mươi phần trăm) tổng chi phí mua thuốc.

Đối tượng 4 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng chi phí mua thuốc.

Đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU): Hỗ trợ 60% (sáu mươi phần trăm) tổng chi phí mua thuốc.

d) Tổng chi phí hỗ trợ quy định tại điểm b và c khoản này (bao gồm nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết này) tối đa không quá:

Đối tượng 1 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng/người/năm.

Đối tượng 2 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng/người/năm.

Đối tượng 3 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng/người/năm.

Đối tượng 4 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng/người/năm.

Đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU): 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng/người/năm.

2. Các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU khi khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh gồm:

a) Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, với mức hỗ trợ tối đa không quá mức hỗ trợ tối đa quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh

1. Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng 1, 2, 3, 4, 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU) được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp người bệnh được Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế công lập ngoài tỉnh để khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh.

b) Trường hợp được cấp có thẩm quyền chỉ định chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế công lập ngoài tỉnh (ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản này) hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tư nhân ngoài tỉnh để khám bệnh, chữa bệnh, trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh.

c) Trường hợp đặc biệt (ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này) được cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ngoài tỉnh, trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh.

2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi người bệnh kết thúc đợt điều trị bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh được hỗ trợ:

a) Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế công lập ngoài tỉnh: Chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý còn lại sau khi trừ chi phí do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán (không bao gồm chi phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu, tiền phòng dịch vụ, tiền ăn uống, tiền thuốc mua ngoài) và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tư nhân ngoài tỉnh: Chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tư nhân ngoài tỉnh còn lại sau khi trừ chi phí do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mức chi hỗ trợ:

a) Đối tượng 1 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 100% (một trăm phần trăm) chi phí khám bệnh, chữa bệnh được hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng tối đa không quá 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng/người/năm;

b) Đối tượng 2 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 90% (chín mươi phần trăm) chi phí khám bệnh, chữa bệnh được hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng tối đa không quá 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng/người/năm;

c) Đối tượng 3 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 80% (tám mươi phần trăm) chi phí khám bệnh, chữa bệnh được hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng tối đa không quá 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng/người/năm;

d) Đối tượng 4 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Hỗ trợ 70% (bảy mươi phần trăm) chi phí khám bệnh, chữa bệnh được hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng tối đa không quá 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng/người/năm;

đ) Đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU): Hỗ trợ 60% (sáu mươi phần trăm) chi phí khám bệnh, chữa bệnh được hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng tối đa không quá 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng/người/năm.

Điều 7. Hỗ trợ chi phí mua thuốc điều trị bệnh theo đơn thuốc điều trị ngoại trú của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh

1. Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này.

2. Chi phí được hỗ trợ: Chi phí mua thuốc điều trị bệnh theo đơn thuốc điều trị ngoại trú của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này (đối với các loại thuốc chưa được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh này cấp phát cho người bệnh).

3. Mức chi hỗ trợ:

a) Đối với thuốc do Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh cấp phát: Hỗ trợ 100% chi phí mua thuốc theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quản lý.

b) Hỗ trợ chi phí mua thuốc bên ngoài trong trường hợp nguồn thuốc của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh không đảm bảo đề cấp phát cho người bệnh (*đơn thuốc mua ngoài phải có ý kiến của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh*): Hỗ trợ bằng tỷ lệ % (phần trăm) quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị quyết này trên tổng số tiền mua thuốc theo hóa đơn, chứng từ mua thuốc thực tế theo quy định.

4. Trường hợp cần phải điều trị bệnh trong thời gian dài hơn so với thời gian dùng thuốc điều trị bệnh theo đơn thuốc điều trị ngoại trú quy định tại khoản 2 Điều này, theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh, thì khi tiếp tục khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

Điều 8. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh

1. Số lần khám sức khỏe:

a) Đối tượng 1 của Quyết định số 1603-QĐ/TU được khám sức khỏe định kỳ 02 (hai) lần/năm trong trường hợp không tham gia 02 (hai) lần khám sức khỏe định kỳ trong năm do cơ quan Trung ương tổ chức hoặc định kỳ 01 (một) lần/năm trong trường hợp chỉ tham gia 01 (một) lần khám sức khỏe định kỳ trong năm do cơ quan Trung ương tổ chức.

b) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đương chức, nguyên chức (đối tượng 2 của Quyết định số 1603-QĐ/TU) và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đương chức (đối tượng 3 của Quyết định số 1603-QĐ/TU) được khám sức khỏe định kỳ 02 (hai) lần/năm.

c) Đối tượng 2, 3, 4, 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm b khoản này) được khám sức khỏe định kỳ 01 (một) lần/năm.

2. Danh mục chi phí khám sức khỏe: Thực hiện đánh giá phân loại theo tiêu chuẩn phân loại sức khỏe và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ theo quy định của Bộ Y tế.

3. Mức chi hỗ trợ: Hỗ trợ bằng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quản lý, mức hỗ trợ tối đa theo từng đối tượng như sau:

a) Đối tượng 1 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Tối đa 5.000.000 (năm triệu) đồng/người/lần.

b) Đối tượng 2 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Tối đa 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/người/lần.

c) Đối tượng 3 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Tối đa 4.000.000 (bốn triệu) đồng/người/lần.

d) Đối tượng 4 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Tối đa 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng/người/lần.

đ) Đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU: Tối đa 3.000.000 (ba triệu) đồng/người/lần.

Điều 9. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, quy hoạch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tại Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh

1. Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng 1, 2, 3, 4, 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU).

2. Danh mục chi phí khám sức khỏe: Thực hiện đánh giá phân loại theo tiêu chuẩn phân loại sức khỏe và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ theo quy định của Bộ Y tế.

3. Mức chi hỗ trợ: Hỗ trợ bằng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quản lý, mức hỗ trợ tối đa 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/người/lần.

Điều 10. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trước khi đi tham quan, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước theo chủ trương của cấp có thẩm quyền

1. Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng 1, 2, 3, 4, 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU (không bao gồm các đối tượng còn lại của đối tượng 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU).

2. Mức chi hỗ trợ: Hỗ trợ bằng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quản lý, mức hỗ trợ tối đa 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/người/lần.

Điều 11. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh

1. Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng 1, 2, 3, 4, 5 của Quyết định số 1603-QĐ/TU khi được Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế công lập trong tỉnh để khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi người bệnh kết thúc đợt điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Mức chi hỗ trợ: 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng/người/ngày, trong thời gian điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế công lập trong tỉnh (bao gồm ngày vào viện và ngày ra viện theo giấy ra viện).

Điều 12. Hỗ trợ chi phí đưa đón cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đi khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng hỗ trợ: Đối tượng 1 của Quyết định số 1603-QĐ/TU thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi đi khám sức khỏe định kỳ do cơ quan có thẩm quyền của Trung ương tổ chức; đối tượng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ đi cùng để phục vụ.

2. Mức chi hỗ trợ: Hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và chi phí đi lại bằng mức chi chế độ công tác phí theo quy định hiện hành. Trường hợp phải thuê phương tiện đi lại thì được hỗ trợ chi phí thuê phương tiện đi lại theo chi phí thực tế phát sinh, đảm bảo trình tự, thủ tục và hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Điều 13. Hỗ trợ chi phí cho đối tượng được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu cử đến Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh để hỗ trợ tư vấn về sức khỏe và quản lý sức khỏe cán bộ

Hỗ trợ chi phí tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo mức chi quy định tại Điều 12 Nghị quyết này trong thời gian đối tượng được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu cử đến Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh để hỗ trợ tư vấn về sức khỏe và quản lý sức khỏe cán bộ.

Điều 14. Quy trình, thủ tục thanh toán chi phí hỗ trợ

1. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán và quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với chi phí hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị quyết này, ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, việc thanh toán chi phí hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, định kỳ hàng tháng hoặc sau khi kết thúc đợt khám sức khỏe, đợt khám bệnh, chữa bệnh, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh có trách nhiệm lập Bảng kê tổng hợp chi phí khám sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện theo chế độ quy định tại Nghị quyết này (chi tiết đối tượng, chi phí hỗ trợ) gửi kho bạc nhà nước nơi giao dịch để

thực hiện rút dự toán chuyển sang tài khoản tiền gửi thu hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh.

Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của chi phí khám sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh đã kê trên Bảng kê tổng hợp chi phí khám sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện.

b) Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ Tỉnh chịu trách nhiệm sử dụng nguồn thu hoạt động sự nghiệp quy định tại điểm a khoản này theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Công báo điện tử Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng